

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 836 /2008/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 24 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**WEBSITE CHỖ BAN HÀNH Quy chế về công tác phối hợp phòng, chống tội phạm
CÔNG VĂN ĐẾN lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin
Số: 224.4
Ngày 28 tháng 4 năm 2008
Kính chuyển: B.T.**

trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25 tháng 05 năm 2002;

Căn cứ Nghị định 157/2004/NĐ-CP ngày 18 tháng 08 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về bưu chính;

Căn cứ Nghị định 160/2004/NĐ-CP ngày 03 tháng 09 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về viễn thông;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2004/TTLT-BBCVT-TC ngày 25 tháng 05 năm 2005 của Bộ Bưu chính Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông) và Bộ Tài chính hướng dẫn về trách nhiệm, quan hệ phối hợp trong công tác kiểm tra, giám sát hải quan đối với thư, bưu phẩm, bưu kiện xuất khẩu, nhập khẩu gửi qua dịch vụ bưu chính và dịch vụ chuyển phát thư;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BCA-BBCVT ngày 05/5/2006 giữa Bộ Công an và Bộ Bưu chính Viễn thông (nay là Bộ Thông tin và Truyền thông) hướng dẫn việc mở và kiểm tra thư, bưu phẩm, bưu kiện, hàng hóa gửi qua mạng bưu chính công cộng và mạng chuyển phát nhằm phát hiện tội phạm về ma túy;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin & Truyền thông tại Tờ trình số 55/TTr-STTTT ngày 19/3/2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này bản Quy chế về công tác phối hợp phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở: Thông tin & Truyền thông, Công thương, Tư pháp; Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc Đài Phát thanh & Truyền hình, Báo Ninh Bình, Chi Cục trưởng Chi cục Hải quan; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan ở địa phương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ, Công báo tỉnh;
- Lưu VT, VP3, VP6, VP7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Tiến Dũng

QUY CHẾ

**Về công tác phối hợp phòng, chống tội phạm
trong lĩnh vực Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin
trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 836 /2008/QĐ-UBND
ngày 24 tháng 4 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định về nguyên tắc, nội dung phối hợp và trách nhiệm cụ thể của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin (sau đây viết tắt là BCVT và CNTT).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Công tác phối hợp dựa trên nguyên tắc chủ động phòng chống tích cực, thường xuyên, kịp thời, hiệu quả và tuân thủ đúng quy định của pháp luật, nhằm phát huy sức mạnh và hiệu quả trong công tác đấu tranh phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật, tội phạm trong lĩnh vực BCVT và CNTT;

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của từng ngành, cơ quan, đơn vị đã được pháp luật quy định để thực hiện nhiệm vụ phối hợp và không làm ảnh hưởng đến hoạt động chuyên môn của các ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan;

3. Trong quá trình phối hợp, việc cung cấp thông tin, tài liệu phản ánh về hoạt động tội phạm hoặc các dấu hiệu nghi vấn về hoạt động tội phạm phải được thực hiện nhanh chóng, đảm bảo bí mật và tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Thông tin phải được cung cấp bằng văn bản thể hiện trên giấy hoặc văn bản điện tử, nhưng phải có chữ ký điện tử xác nhận của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cung cấp;

4. Việc xử lý các vụ việc liên quan đến công tác phòng chống tội phạm trong lĩnh vực BCVT và CNTT phải được thực hiện theo nguyên tắc: vụ việc thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của ngành, cơ quan, đơn vị nào thì ngành, cơ quan, đơn vị đó chủ trì xử lý, các ngành, cơ quan, đơn vị khác trong phạm vi

chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp khi có yêu cầu và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Nội dung phối hợp

1. Phối hợp trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về BCVT và CNTT;
2. Phối hợp thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hoạt động tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực BCVT và CNTT;
3. Phối hợp trong việc cung cấp, trao đổi thông tin phục vụ công tác phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực BCVT và CNTT;
4. Phối hợp trong hoạt động điều tra, xác minh và làm rõ các hành vi vi phạm và hoạt động tội phạm trong lĩnh vực BCVT và CNTT;
5. Phối hợp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;
6. Phối hợp trong việc tham mưu, đề xuất với UBND tỉnh các cơ chế giải pháp nâng cao hiệu quả trong việc phòng, chống các hành vi vi phạm, tội phạm trong lĩnh vực BCVT và CNTT;
7. Thường xuyên kiểm tra, rà soát để kịp thời phát hiện những bất cập trong các văn bản Quy phạm pháp luật về công tác phòng, chống các hành vi vi phạm pháp luật, tội phạm trong lĩnh vực BCVT và CNTT, tham mưu cho UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung; trong trường hợp vượt quá thẩm quyền giải quyết UBND tỉnh sẽ kiến nghị Chính phủ và các Bộ, ngành trung ương xem xét bổ sung, sửa đổi.

Chương II

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Thông tin và Truyền thông

1. Chủ trì tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực BCVT và CNTT;
2. Là đầu mối tiếp nhận thông tin từ các đơn vị liên quan về các dấu hiệu nghi vấn: trộm cắp cước viễn thông trong nước, quốc tế; gửi, vận chuyển hàng lậu, hàng cấm, tài liệu xấu, độc hại, phản động thông qua mạng lưới BCVT và CNTT; kinh doanh trái pháp luật và các hành vi vi phạm pháp luật khác về BCVT và CNTT;
3. Tùy theo vụ việc, lĩnh vực cụ thể, kịp thời cung cấp số liệu, tài liệu và phối hợp với đơn vị liên quan trực tiếp để xử lý có hiệu quả vụ việc vi phạm pháp luật;



4. Chủ trì hoặc tham gia thanh tra, kiểm tra và xử lý đối tượng vi phạm hành chính hoặc lập hồ sơ chuyển sang cơ quan điều tra nếu phát hiện có dấu hiệu tội phạm theo quy định của Luật Thanh tra năm 2004 và Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính năm 2002. Trường hợp cần sự hỗ trợ của các đơn vị quản lý chuyên ngành (Cục Tần số vô tuyến điện; Cục quản lý chất lượng Công nghệ thông tin và Truyền thông...) trong quá trình thanh tra, kiểm tra thì chủ trì đề nghị phối hợp;

5. Tiếp nhận Quyết định trưng cầu giám định, làm thủ tục trình cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng giám định về các lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý theo quy định của Pháp lệnh Giám định tư pháp ngày 29/09/2004 và Nghị định số 67/2005/NĐ-CP ngày 19/05/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giám định tư pháp.

Điều 6. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Thông qua công tác nghiệp vụ, nắm tình hình để thông báo cho các cơ quan tham gia phối hợp về âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm lợi dụng lĩnh vực BCVT và CNTT để xâm phạm an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội; phát hiện các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này và kịp thời thông báo cho các cơ quan tham gia phối hợp, chủ động phòng ngừa, tổ chức thanh tra, kiểm tra và đề xuất xử lý theo quy định của pháp luật;

2. Chủ trì công tác điều tra, xác minh và áp dụng các biện pháp ngăn chặn theo chức năng, nhiệm vụ do pháp luật quy định liên quan đến các hoạt động tội phạm như: trộm cắp cước viễn thông trong nước, quốc tế; gửi, vận chuyển hàng lậu, hàng cấm, tài liệu xấu, độc hại, phản động thông qua mạng lưới BCVT và CNTT; kinh doanh trái pháp luật và các hành vi khác vi phạm pháp luật về BCVT và CNTT do các đơn vị có liên quan cung cấp;

3. Đối với các vụ việc do Công an tỉnh phát hiện, khi có yêu cầu phối hợp phải thông báo kịp thời bằng văn bản hoặc trao đổi trực tiếp với lãnh đạo các cơ quan tham gia phối hợp về nội dung, thời gian, địa điểm tiến hành, đồng thời thông báo kết quả công tác phối hợp cho các cơ quan chức năng;

4. Tổ chức lực lượng, phương tiện, biện pháp nghiệp vụ để khẩn trương xác minh, tổ chức điều tra các vụ việc liên quan đến hoạt động tội phạm trong lĩnh vực BCVT và CNTT do cơ quan Công an phát hiện hoặc các cơ quan chức năng cung cấp; không để đối tượng xóa dấu vết, tẩu tán phương tiện, thiết bị, tang vật sử dụng để phạm tội;

5. Hướng dẫn cung cấp thông tin về âm mưu, phương thức thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm về BCVT và CNTT cho các đơn vị có liên quan để phục vụ cho công tác phòng ngừa và đấu tranh.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Công thương

1. Chủ trì việc kiểm tra, kiểm soát, xử lý hàng lậu, hàng cấm vận chuyển qua mạng bưu chính, mạng chuyển phát. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát các sản phẩm, hàng hoá: thiết bị viễn thông, thiết bị điện tử, công nghệ thông tin



(phần cứng và phần mềm) không có nhãn mác hàng hoá, không dán tem chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;

2. Khi phát hiện có hành vi vận chuyển hàng lậu, hàng cấm qua đường bưu chính, mạng chuyển phát, phải kịp thời thông báo và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc kiểm tra, kiểm soát các túi bưu phẩm, bưu kiện, kiện hàng hóa, phương tiện vận chuyển.

Điều 8. Trách nhiệm của Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Ninh Bình

1. Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực BCVT và CNTT;

2. Thường xuyên đăng tải thông tin về các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của mọi tầng lớp nhân dân trong công tác phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực BCVT và CNTT.

Điều 9. Trách nhiệm của Chi cục Hải quan tỉnh

1. Chủ trì công tác kiểm tra, kiểm soát, phát hiện và xử lý hàng lậu, hàng cấm xuất, nhập khẩu qua mạng bưu chính, mạng chuyển phát trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp nhận được thông báo và đề nghị phối hợp về vụ việc xuất, nhập hàng lậu, hàng cấm qua mạng bưu chính, mạng chuyển phát của Sở Thông tin và Truyền thông, Chi cục Hải quan tỉnh có trách nhiệm kịp thời phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị có liên quan kiểm tra, kiểm soát các túi bưu phẩm, bưu kiện, kiện hàng hoá, phương tiện vận chuyển. Nếu phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật thì phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông trong việc xử lý đối tượng vi phạm.

3. Khi phát hiện các vụ việc xuất, nhập hàng lậu, hàng cấm qua mạng bưu chính, mạng chuyển phát, Chi cục Hải quan có trách nhiệm kịp thời thông báo và phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các đơn vị liên quan xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã, thành phố

1. Thực hiện nghiêm các quy định của Nhà nước về phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực BCVT và CNTT trên địa bàn;

2. Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật để nhân dân hiểu rõ trách nhiệm của mình và phát động phong trào toàn dân tham gia phòng, chống tội phạm trong lĩnh vực BCVT và CNTT;

3. Chỉ đạo các ban, ngành chức năng, UBND các xã, phường, thị trấn và các doanh nghiệp BCVT và CNTT trên địa bàn tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong lĩnh vực BCVT và CNTT trên địa phương mình;

4. Thông báo kịp thời cho Sở Thông tin và Truyền thông khi phát hiện những dấu hiệu hoạt động tội phạm hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực BCVT và CNTT.

Điều 11. Trách nhiệm của các doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông và Công nghệ thông tin

1. Nếu phát hiện dấu hiệu nghi vấn trộm cắp cước viễn thông trong nước, quốc tế; gửi, vận chuyển hàng lậu, hàng cấm qua đường bưu chính, mạng chuyên phát, các hành vi vi phạm liên quan đến việc cung cấp, sử dụng dịch vụ bưu chính, viễn thông, Internet và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực BCVT và CNTT, doanh nghiệp có trách nhiệm kịp thời báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan cho Sở Thông tin và Truyền thông;

2. Thực hiện các biện pháp kỹ thuật nghiệp vụ làm giảm thiệt hại, tác hại do hành vi vi phạm gây ra, cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền; tạo điều kiện cho các cơ quan chức năng trong công tác điều tra, xác minh đối tượng vi phạm;

3. Có trách nhiệm phối hợp với nhau và với các đơn vị liên quan thực hiện các biện pháp nghiệp vụ, kỹ thuật, nhằm kịp thời phát hiện, thông báo kịp thời cho các cơ quan chức năng về hành vi vi phạm pháp luật;

4. Cung cấp số liệu liên quan đến hoạt động giám định theo yêu cầu của cơ quan trung cầu giám định; chịu trách nhiệm về tiến độ và tính chính xác của số liệu đã cung cấp.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức khác và cá nhân có liên quan

1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác khi phát hiện các dấu hiệu nghi vấn về các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực BCVT và CNTT phải kịp thời thông báo cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về những thông tin đã cung cấp;

2. Phối hợp chặt chẽ và cung cấp chính xác những thông tin liên quan đến các hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực BCVT và CNTT khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Chế độ báo cáo

1. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các ngành, cơ quan, đơn vị liên quan định kỳ 6 tháng một lần tổ chức họp đánh giá kết quả thực hiện, kinh nghiệm, các thông tin có liên quan và tổng hợp báo cáo kết quả,



đề xuất với UBND tỉnh các cơ chế, giải pháp nâng cao hiệu quả công tác phòng chống tội phạm trong lĩnh vực BCVT và CNTT trên địa bàn tỉnh để kịp thời chỉ đạo;

2. Công an tỉnh, Sở Công thương, Chi cục Hải quan tỉnh và các doanh nghiệp BCVT và CNTT có trách nhiệm báo cáo định kỳ 6 tháng một lần các nội dung về kết quả phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trong lĩnh vực BCVT và CNTT về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, tiến hành sơ kết hàng năm và tổng kết theo định kỳ 05 năm việc thực hiện Quy chế này.

Điều 14. Kinh phí bảo đảm

1. Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp được thực hiện theo quy định hiện hành;

2. Việc lập dự toán kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp thực hiện trên nguyên tắc: Cơ quan, đơn vị nào chủ trì xử lý vụ việc thì lập dự toán kinh phí phục vụ cho công tác phối hợp.

Điều 15. Kiểm tra, đôn đốc thực hiện Quy chế

Sở Thông tin và Truyền thông là cơ quan thường trực giúp UBND tỉnh theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện Quy chế này; Công an tỉnh, Chi cục Hải quan, Sở Công thương, các địa phương và các doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện tốt nội dung phối hợp theo chức năng, nhiệm vụ của mình.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện Quy chế nếu có vấn đề vướng mắc mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. / 70/1

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Tiến Dũng